| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN XUYÊN MỘC**<br>TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 63/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/5/2019
*"Về việc yêu cầu ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân*: - Bà Trịnh Thị Mai Hương

- Ông Nguyễn Ngọc Khanh

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Phùng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên toà:*** Ông Đỗ Đình Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 627/2018/TLST-HNGĐ ngày 21/12/2018 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Lê Đức P, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ C, ấp D, xã BL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện ngày 23/7/2018, bản khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:***

*Về hôn nhân:* Bà Lê Thị C và ông Lê Đức P chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai mai mối hay ép buộc.Trước khi kết hôn bà C và ông P có thời gian tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới.

Sau khi kết hôn, bà C và ông P chung sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn, đến năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài cho đến ngày hôm nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Ngoài ra, ông P là chồng nhưng không quan tâm chăm sóc vợ con, suốt ngày chỉ biết rượu chè rồi về kiếm chuyện gây gỗ vớ vợ con. Việc này bà C và ông P đã nhiều lần ngồi lại tìm cách khắc phục va hai bên gia đình khuyên can nhưng không được.

Từ năm 2008 cho đến nay, bà C và ông P sống ly thân, không còn quan hệ gì về mọi mặt từ kinh tế cho đến chuyện tình cảm, ông P đã về nhà ba mẹ ruột của ông P sinh sống còn bà C vẫn sống tại nhà ba mẹ của bà C. Mặc dù bà C và ông P không thể tiến tục chung sống với nhau nhưng bà C không yêu cầu ly hôn vì lúc này con còn quá nhỏ.

Nay bà C xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà C và ông P không còn nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà C được ly hôn với ông P.

*Về con chung:* Bà Lê Thị C và ông Lê Đức P có 01 con chung Lê Thị Minh T, sinh ngày: 01/9/2006. Con chung đang sống với bà C, bà C có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Bà Lê Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Bà Lê Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với ông Lê Đức P, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, cụ thể như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về việc mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử để ông P thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông P đều vắng mặt không có lý do.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, cụ thể là vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông P theo quy của pháp luật.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao con chung cho bà C nuôi dưỡng, bà C không yêu cầu cấp

dưỡng nên tạm thời ông P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:* Bà Lê Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Đức P, ông P có nơi cư trú tại huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là *"Yêu cầu ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01 ngày 30/3/2005 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác định, hôn nhân của bà C và ông P là hợp pháp. Sau khi kết hôn thì bà C và ông P chung sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn, đến năm 2008 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt; ông P không lo làm ăn mà chỉ rượu chè rồi về kiếm chuyện với vợ con; ông P là chồng là cha trong gia đình nhưng không quan tâm chăm sóc vợ con, mọi chuyện lớn nhỏ chỉ do một mình bà C quán xuyến. Việc này, bà C đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được. Từ năm 2008 cho đến nay, bà C và ông P sống ly thân nhau không còn quan hệ gì về mọi mặt từ kinh tế cho đến tình cảm.

[3] Qua xác minh cho thấy, trong thời gian ông P và bà C chung sống tại địa phương thì ông P và bà C có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và hiện tại bà C và ông P đã sống ly thân. Nay bà C yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Lê Thị C và ông Lê Đức P đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên áp dụng Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông P.

[5]. *Về con chung:* Bà Lê Thị C và ông Lê Đức P có 01 con chung Lê Thị Minh T, sinh ngày: 01/9/2006. Con chung đang ở với bà C, bà C có nguyện vọng nuôi Cúc có việc làm và thu nhập ổn định nên giao cháu Thư cho bà C nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo sự phát triển toàn diện của con theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Về yêu cầu cấp dưỡng, bà C không yêu cầu cấp dưỡng

nuôi con nên tạm thời ông P không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng đối với ông P, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, ông P không đến tòa và không có thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà C. Nếu sau này ông P có yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi người nuôi con thì khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định.

[6]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Lê Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. *Về án phí:* Bà Lê Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 và các Điều 81, 82, 83, 84 và 85 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: :

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C, bà C được ly hôn với ông Lê Đức P.

*2. Về con chung:* Bà Lê Thị C và ông Lê Đức P có 01 (một) con chung Lê Thị Minh T, sinh ngày: 01/9/2006. Con chung đang ở cùng với bà C, bà C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyên không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con. Tạm thời ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

*3. Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Lê Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*4. Về án phí:* Bà Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng (ba trăm nghìn đồng) bà C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004794 ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc. Bà C đã nộp đủ án phí sơ thẩm, ông P không phải nộp án phí.

*5. Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
*- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;*
*- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BR – VT.*
*- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc;*
*- Chi cục Thi hành án dân sự H.Xuyên Mộc;*
*- Đương sự;*
*- Lưu Hồ sơ, Văn thư.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy**